

KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA
PHẨM PHỔ MÔN - BỒ TÁT QUÁN THẾ ÂM
Tập 12

Hoa Tạng Đồ Thư Quán, Cảnh Mỹ, [Đài Bắc], Đài Loan

Bài giảng thứ bảy - Tháng 12 năm 1983

Số lưu trữ: 08-004-0012

Hòa Thượng Tịnh Không chủ giảng

(Nguyễn Minh Tiến dịch)

Mời quý vị mở [sách Pháp Hoa Kinh Đại Thành, quyển hạ], trang 841, dòng thứ 3.

Trong sách ghi “hai”, tức là đoạn thứ hai trong phần kệ tụng, tiếp theo có 20 dòng, tức là 20 khổ kệ, “tụng chi tiết hai nội dung giải đáp”. Phần này chia làm hai đoạn. Đoạn trước có 14 khổ kệ, nội dung là “giải đáp về nhân duyên có danh hiệu Quán Thế Âm”. Đoạn tiếp theo có 6 khổ kệ, nội dung là “giải đáp về sự thị hiện khắp cùng”.

Khổ kệ đầu tiên ở phần trước là “giải đáp tổng quát”.

*“Ta nay sẽ vì ông lược nói,
Dù nghe danh hay thấy hiện thân,
Nếu trong tâm vẫn thường nhớ niệm,
Liên bình an khổ nạn dứt trừ.”*

Trong phần chú giải, Đại sư nói: “Chỉ nêu phần cốt yếu nên gọi là lược thuyết. Được “nghe danh” nên xưng niệm. Đây là thuộc về nghiệp của miệng. Xưng niệm chính là xưng dương thánh hiệu, chúng ta thường gọi là niệm Phật, hay trì danh, nói xưng niệm cũng chính là niệm bằng miệng. “Thấy hiện thân nên lễ bái”, đây là thuộc về nghiệp của thân, sớm tối lễ bái. “Trong tâm niệm”, đây là thuộc về ý nghiệp. Phần này là nói sự thọ trì cung kính bằng cả ba nghiệp.

Bản chữ Hán nói “chư hữu” tức là “nhị thập ngũ hữu” (25 cảnh giới hiện hữu), ở đây không thể giải thích chi tiết. Quý vị có thể tìm xem trong từ điển Phật học và sách Giáo thừa pháp số. Trong Phật pháp, nói về thế gian pháp, ba cõi sáu đường đều được bao gồm trọn vẹn trong 25 cảnh giới hiện hữu. Vì vậy nói 25 cảnh giới hiện hữu chính là nói về mọi khổ nạn trong ba cõi sáu đường. Thông thường cũng dùng ba khổ, tám khổ để chỉ chung.

“Nghe danh xưng niệm, thấy hiện thân lễ bái đều không uổng phí, vì diệt được hết các khổ trong ba cõi”. Nói ba cõi, vì 25 cảnh giới hiện hữu nói gộp lại thành ba cõi là cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc, nói chi tiết ra thì thành 25 cảnh giới hiện hữu.

Khổ kệ này là một khổ kệ rất quan trọng, chúng ta cần ghi nhớ. Đây là lời Đức Phật Thích-ca Mâu-ni nói với chúng ta. Lời của Phật, như trong Kinh Kim Cang đã dạy là “lời chân chánh, lời đúng thật, lời không sai trái, lời không dối gạt”. Lời của Phật là đáng tin cậy nhất. Nếu chúng ta không tin, đó là tự mình ngu si, tự mình có chương ngại.

Phần tiếp theo mười ba khổ kệ là phần tụng chi tiết, tức là “giải đáp chi tiết”, trùng tụng lại ý nghĩa trong phần kinh văn trường hàng. Mỗi khổ kệ đều có một tiểu đề mục, đối chiếu với phần kinh văn trường hàng phía trước sẽ rõ. Mời quý vị lật sang trang 842.

*“Hoặc có người khởi tâm hãm hại,
Đem bỏ vào hầm lửa đốt thiêu.
Nhờ sức niệm Quán Âm cứu độ,
Hầm lửa kia liền hóa ao lành.”*

“Phần tụng tiếp theo đây, so với kinh văn trường hàng có khác biệt về sự tương, tăng thêm một số loại. Như nói về mười bốn pháp vô úy (của Bồ Tát), đặc biệt chỉ nêu đại lược, thực ra có đầy đủ tất cả công đức, có thể cứu tất cả nạn khổ nguy cấp, cho nên thêm phần tụng này.”

Nói phần tụng có thêm, tức là trong kinh văn bản này không có. Kinh văn bản này tuy không có, nhưng trong kinh Lăng nghiêm thì có. Trong kinh Lăng Nghiêm có nêu mười bốn pháp vô úy, ba mươi hai ứng thân. Mười bốn pháp vô úy và bốn pháp không thể nghĩ bàn, đều có đủ trong kinh Lăng nghiêm. Trong kinh này, chúng ta chỉ thấy nói đến bảy nạn, ba độc, hai mong cầu, chính là mười hai nguyện lớn của Bồ Tát. Cho nên hợp cả hai bản kinh để xem thì ý nghĩa rất trọn vẹn.

Khổ kệ thứ nhất này nói việc niệm Bồ Tát Quán Thế Âm có thể tránh khỏi được nạn lửa thiêu.

*“Hoặc trôi dạt giữa vùng biển cả,
Gặp quỷ thần, rồng, cá khốn nguy;
Nhờ sức niệm Quán Âm cứu độ,*

Sóng dữ kia chẳng thể hại mình.”

Ý nghĩa này rất rõ ràng. Khổ kệ nói về việc chúng ta niệm thánh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm, nhưng quý vị phải nhớ kỹ trong phần kinh văn trường hàng phía trước đã nói, phải “nhất tâm xưng niệm”. Lúc niệm cũng có sự nhất tâm, lý nhất tâm và công phu thành phẩm, đều phải đạt đến các tiêu chuẩn này mới có thể trừ tai họa, khỏi hiểm nạn.

Hai khổ kệ tiếp theo dưới đây không có trong kinh văn trường hàng.

*“Hoặc từ trên đỉnh núi Tu-di,
Bị kẻ ác đẩy xô rơi xuống.
Nhờ sức niệm Quán Âm cứu độ,
Như mặt trời vững giữa hư không.”*

Kinh văn phần trước không có, được thêm vào trong phần kệ tụng này. Có thể hiểu rằng Tu-di là chỉ núi rất cao. Ngày nay chúng ta gọi là tai nạn trên núi, người leo núi rất nhiều, đây nói việc gặp nạn trên núi. Nạn trên núi này còn là nói do có người hãm hại. Ở trên đỉnh núi, người khác xô quý vị ngã xuống. Trong lúc này, nhất tâm xưng niệm danh hiệu Bồ Tát có thể cứu hộ quý vị, dù từ trên núi cao rơi xuống cũng không đến nỗi tổn hại thân mạng, có thể được an toàn.

*“Hoặc bị kẻ ác tâm rượt đuổi,
Trốn chạy rơi từ núi Kim Cang.
Nhờ sức niệm Quán Âm cứu độ,
Dù mấy lông chẳng tổn hại gì.”*

Đây là nói nạn rơi xuống từ núi Kim Cang. Hai khổ kệ này đều nói về tai nạn trên núi, một là bị người xô đẩy rơi xuống, một là nói bị người rượt đuổi chạy té ngã xuống. Tiếp theo là bài kệ thứ năm:

*“Hoặc gặp phải những phường giặc cướp,
Cầm gậy dao chòe chực hại người.
Nhờ sức niệm Quán Âm cứu độ,
Giặc cướp kia liền khởi lòng lành.”*

Nói “gặp phải” là gặp phải oan gia, gặp phải giặc cướp, “giặc” cũng được hiểu là giặc cướp, nếu gặp phải những cường đạo, thô phi loại này thì trong quá khứ ắt từng gây oán nghiệp. Những người này cầm binh khí đến hại, quý vị niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm, Bồ Tát ngấm ngấm gia trì, khiến những kẻ oán

tặc này liền khởi lên một niệm từ tâm: “Thôi vậy, tha cho hắn con đường sống.” Thế là quý vị thoát được nạn này. Những điều này đều là do thần lực của Bồ Tát gia trì.

*“Hoặc bị nạn vua quan hãm hại,
Chịu thọ hình sắp phải đầu rơi.
Nhờ sức niệm Quán Âm cứu độ,
Đao kiếm liền tự hủy hoại ngay.”*

Đây cũng là tụng lại phần trước. “Nạn vua quan” chính là nói bị vua quan ra lệnh tử hình, phạm tội bị xử tử, lúc sắp hành hình. Ngày xưa, tử hình đều là chém đầu. Lúc này, Bồ Tát Quán Thế Âm gia trì, khiến đang lúc chém đầu thì đao bỗng nhiên gãy. Ngày xưa, nếu quan giám trảm gặp hiện tượng như vậy thì tội nhân ấy sẽ được tha, sẽ xá tội chết cho người đó.

*“Hoặc chịu những oan khiên tù ngục,
Phải gông cùm xiềng xích tay chân.
Nhờ sức niệm Quán Âm cứu độ,
Liền tự nhiên được tháo gông cùm.”*

Đây là nói tránh khỏi nạn gông cùm xiềng xích. “Gông cùm” chính là bị giam cầm, nhốt trong ngục, đeo gông và xiềng xích. Gông là hình cụ, đeo vào cổ người, cũng có loại gông cùm tay chân. Ngày nay là còng tay, xiềng khóa ở chân, là những loại hình cụ như vậy. Có thể nhất tâm xưng niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm, Bồ Tát dùng thần lực không thể nghĩ bàn, cũng có thể giúp quý vị thoát khỏi tai nạn này.

Khổ kệ tiếp theo là phần không có trong kinh văn trường hàng, được thêm vào kệ tụng.

*“Hoặc bị những tà ma chú thuật,
Thuốc độc dùng làm hại đến thân.
Nhờ sức niệm Quán Âm cứu độ,
Tai ách quay lại kẻ hại người.”*

Những tai nạn này trong thế gian quả thật có. Chú thuật là loại tà thuật, trong phần chú giải nói: “Chú thuật, độc dược là dùng pháp ma quỷ, muốn hại người”, sai sử quỷ thần loại này để hại người. Ngoài loại này ra, ví dụ như ở địa khu Miêu cương phía tây nam đại lục có phương pháp bỏ bùa, cũng thuộc loại này. Loại này quả thật như trong kinh đã nói, chú, độc này nếu không hại được người khác,

sẽ quay lại hại chính mình, tặc hại cũng rất nhiều. Chỗ này nói là dùng quỷ pháp, muốn hại người, “người trước có tà niệm nên mới chịu tổn hại, nếu gặp người chánh niệm, sự tổn hại sẽ quay lại với chính người muốn gây hại”. Hai câu này rất quan trọng. Những thầy phù thủy loại kia họ có những phép thuật này. Những phép thuật của họ chỉ có thể hại những người tâm bất chánh, họ có thể sai sử quỷ thần đến hại người đó. Đối với người quân tử chánh trực, quỷ thần thấy họ liền sợ hãi, không dám làm hại. Như những việc này, trong các bút ký, tiểu thuyết của người xưa ghi chép lại rất nhiều, như trong “Duyệt vi thảo đường bút ký” của Kỷ Hiều Lam cũng có nhiều ví dụ loại này. Có thể thấy, thật sự có thể bảo vệ mình chính là tâm địa thanh tịnh. Tâm thanh tịnh, tâm từ bi, tất cả quỷ thần gặp quý vị chỉ có cung kính, không dám làm hại. Nếu có người sai những quỷ thần này đến hại quý vị, họ vừa thấy quý vị là người quân tử chánh trực, người kia muốn hại quý vị, hẳn không phải là người tốt. Quỷ thần đó sẽ quay đầu lại hại người ấy, sẽ báo thù người ấy, đó là lẽ đương nhiên.

Chỗ này có dẫn một đoạn công án, chính là câu chuyện được ghi trong kinh Thí dụ, quý vị xem qua thì có thể hiểu. Phần này có mấy câu rất quan trọng, chúng ta cần nêu ra để giảng.

Trang 845, dòng thứ 2 ở giữa có hai câu: “Xét về sự tương thì tà vạy không thể thắng được chân chánh, lòng từ mẫn có thể chế ngự sự hung ác. Nay dùng sự chân chánh xung niệm Bồ Tát Quán Thế Âm, [thì sự độc hại] tự nhiên quay trở lại với kẻ đã có ý hại người.” Những câu này rất quan trọng. Đây là nói về mặt sự tương, xét theo sự tương thì quý vị nhất định phải nhớ là tà vạy không thắng được chân chánh. Nếu quý vị cho rằng, chúng ta chân chánh nhưng sức mạnh của tà vạy vượt hơn chúng ta, lớn mạnh hơn chúng ta rất nhiều. Đó là nói thật ra thì trong cái chân chánh của quý vị vẫn còn mang theo mấy phần tà vạy, cho nên sự chân chánh của quý vị mới không thắng nổi tà vạy. Nếu quý vị chỉ thuần là chân chánh, cho dù có phải vào rừng rậm tà kiến, quý vị cũng không thể bị tổn hại, dù chỉ là một phần rất nhỏ. Nếu trong tâm địa chúng ta có một chút tà niệm, dù nói là chân chánh thì cũng không phải là thuần chân chánh, nên sức mạnh của tà vạy vẫn có thể xâm phạm quý vị. Do vậy, trong phần trước đã nhiều lần nói với chúng ta, phải nhất tâm trì danh. Nhất tâm là thuần chân chánh. Tâm đại từ bi có thể chuyển hóa ý niệm của kẻ ác, có thể chuyển hóa động cơ giết hại của họ, chuyển hóa ý niệm hung ác của họ. Bồ Tát Quán Thế Âm dùng sức mạnh của chân chánh và từ mẫn, dùng sức mạnh này để cứu giúp bảo vệ chúng sanh. Chính tự thân chúng ta trong một niệm thanh tịnh cũng có thể sanh khởi tâm chân chánh, tâm

từ bi tương tự như Bồ Tát, tự nhiên có thể cảm ứng giao hòa trong đạo mà tránh khỏi được những sự độc hại như vậy.

Về mặt lý thể, ngay nơi dòng thứ 5 trở đi nói rằng: “Xét về lý thể thì ba độc, mười ác đều lưu xuất từ chân tâm mẫu nhiệm của chính mình.” Chính mình là tự bản thân mình, hoàn toàn là do tâm mình biến hiện ra. “Nay chân chánh xưng niệm Bồ Tát Quán Thế Âm, dùng thần lực của trí tuệ soi chiếu, xoay dòng tánh nghe trở về cội nguồn chân thật [của tự tánh], những gì độc ác của kẻ kia, tương ứng trong một niệm hóa thành giác ngộ vô thượng, không quay trở lại với kẻ ban đầu thì còn về với ai?” Đó là dựa theo lý thể mà nói.

Lý thể này, trong kinh Lăng nghiêm đức Phật đã nói rất rõ, chính là bốn khoa và bảy đại. Bốn khoa là nói năm ấm, sáu nhập, mười hai xứ, mười tám giới. Đây đều là sự quy nạp của tất cả các pháp, quy nạp thành bốn loại lớn này. Bảy đại là nói về địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại, không đại, kiến đại và thức đại. Trong kinh Lăng nghiêm có hai mươi lăm pháp viên thông, chính là mười tám giới cộng với bảy đại. Dù từ phương diện nào tu học, cũng đều có thể thành tựu đạo vô thượng, như nói là các pháp đều bình đẳng, không có cao thấp; cũng có nghĩa là bốn khoa, bảy đại đều là tánh chân như mẫu nhiệm của tạng Như Lai. Ba độc, mười ác cũng không ra ngoài bốn khoa, bảy đại, cũng đều nằm trong đó. Vì vậy, quả thật đều là do tâm chúng ta biến hiện ra. Tâm mê thì biến hiện thành ba độc mười ác, một khi giác ngộ thì rõ biết là không hề có. Từ đây có thể biết, ngoại cảnh vốn không có thiện ác; thiện ác quả thật là do tâm của chính mình biến hiện ra.

Tâm của chư Phật Bồ Tát trong mỗi niệm đều thanh tịnh, mỗi niệm đều từ bi. Nói cách khác, các ngài trong mỗi niệm đều tỉnh giác, không có mê lầm, nên gọi là Phật Bồ Tát.

Thuần thiện không ác, cái thiện của sự thuần thiện đó không phải là thiện ở trong phạm trù thiện ác. Cái thiện trong phạm trù thiện ác là cái thiện tương đối, là cả hai bên thiện ác mới gọi là chân thiện, mới gọi là thuần thiện. Tâm này mới thanh tịnh, mới bình đẳng. Đây là thể dạng ban sơ vốn có của chân tâm chúng ta. Dùng tâm này để quán xét hết thấy các pháp, trong kinh gọi là soi chiếu, soi chiếu thấy được hết thấy các pháp, không một pháp nào không phải là tướng tịch diệt.

Cảnh giới này, trong các kinh Đại thừa đức Phật thường nói đến. Bồ Tát Thập địa thể nhập cảnh giới này, chính là Bồ Tát vào Pháp Vân địa. Chúng ta nói năm nhãn, chính là tịch diệt nhãn. Có thể thấy, Bồ Tát Pháp Vân địa trụ nơi pháp

giới nhất chân, trụ trong cõi Thường tịch quang. Trong cõi Thường tịch quang chính là Pháp Vân địa, là Đẳng giác, là quả vị Như Lai.

Bồ Tát Thập địa là hạ phẩm Tịch diệt nhãn, Bồ Tát Đẳng giác là trung phẩm, Phật địa là thượng phẩm. Đây là trụ nơi pháp giới Nhất chân. Dưới pháp giới Nhất chân là cõi Thật báo trang nghiêm, nói theo Tịnh độ, hoặc nói theo cảnh giới trong kinh Hoa Nghiêm chính là từ Bồ Tát Sơ trụ đến Cửu địa, đều trụ nơi cõi Thật báo trang nghiêm. Lên trên nữa chính là cõi Tịnh độ Thường tịch quang. Vì vậy, quả thật như lời Phật trong kinh đã nói với chúng ta, “ứng niệm hóa thành vô thượng giác”. Đây là lời Phật nói trong kinh Lăng Nghiêm.

Chúng ta xem khổ kệ tiếp theo:

*“Hoặc gặp phải hung thần la-sát,
Với quỷ, rồng, ác độc hiểm nguy.
Nhờ sức niệm Quán Âm cứu độ,
Hết thấy đều chẳng hại đến thân.”*

Khổ kệ này là tụng lại ý nghĩa trước, nói về nạn gặp quỷ. Tiếp theo là một khổ kệ nữa:

*“Hoặc bị hại bởi loài thú dữ,
Giương vuốt nanh đe dọa khiếp hồn.
Nhờ sức niệm Quán Âm cứu độ,
Thú dữ kia liền phải chạy xa.”*

Khổ kệ này là phần được thêm vào, ý nghĩa trước đó không có. Tình huống này cũng thường xuyên gặp phải, đặc biệt là những người thích du lịch, leo núi, trên núi có rất nhiều rắn độc, thú dữ các loại. Nếu quý vị gặp phải, khi những ác thú này vây quanh muốn làm hại quý vị, chúng ta đã đọc phẩm Phổ môn, lập tức nghĩ đến bài kệ này, nhất tâm xưng niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm, những ác thú đó tự nhiên sẽ tránh đi nơi khác.

*“Hoặc có những rắn độc, bò cạp,
Khí độc phun như lửa khói xông.
Nhờ sức niệm Quán Âm cứu độ,
Theo âm thanh liền tự phản hồi.”*

Đây là nói một loài bò sát độc. Trước nói về thú dữ, đây nói về loài bò sát. Như rắn, đặc biệt là rắn độc. Rắn độc có ở khắp nơi, người thường rất khó phân

biệt. Những loài rắn độc, bò cạp có nọc độc mạnh, nếu bị chúng cắn, độc tính mạnh thì chỉ vài giờ sau mạng sống sẽ mất, nên phải biết phương pháp sơ cứu. Do đó, những người leo núi thường có người trưởng đoàn, có người có thể phân biệt được độc tính của rắn, và còn phải chuẩn bị huyết thanh để dùng ứng cứu kịp thời. Có thể niệm Bồ Tát Quán Thế Âm thì đương nhiên là tốt nhất. Người hiểu tập tính của rắn cũng thường nói với chúng ta, rắn không tùy tiện tấn công người, sự tấn công của nó phần lớn mang tính chất phòng vệ. Khi chúng ta gặp phải, đứng yên bất động, niệm Bồ Tát Quán Thế Âm Tát, nó tự nhiên sẽ bỏ đi. Nếu quý vị di chuyển, nó cho rằng quý vị muốn làm hại nó, nó sẽ tấn công quý vị. Vì vậy, khi gặp phải đừng sợ hãi, niệm Bồ Tát Quán Thế Âm, Bồ Tát cũng có thần lực gia trì, đồng thời con rắn thấy bạn bất động, không có ý làm hại nó, nó tự nhiên sẽ bỏ đi.

Chúng ta xem khổ kệ tiếp theo:

*“Hoặc gặp lúc gió giông sấm dậy,
Mưa ngập trời nước lũ trào dâng.
Nhờ sức niệm Quán Âm cứu độ,
Ngay tức thời mây tạnh trời quang.”*

Tai nạn này tương tự như khi chúng ta gặp bão, nhưng khi có bão thường có mưa, đôi khi có mưa giông, mưa giông lớn. Ở phương Bắc có mưa đá, kích thước mưa đá không nhất định, nếu lớn có thể phá hủy nhà cửa, cũng có thể làm tổn thương người và gia súc, gây ra tai họa lớn. Tỉnh ta năm nay mưa thuận gió hòa, ngay cả trong mùa mưa bão có nhiều cơn bão cũng không đổ bộ, đó là điều tốt, mong mọi người càng nỗ lực tu hành. Trong kinh thường nói, cảnh tùy tâm chuyển, các tai nạn tự nhiên đều có mối quan hệ mật thiết với tâm niệm của chúng ta. Một số học giả cho rằng đây là mê tín, nhưng khi những học giả đó gặp nạn, họ cũng nửa tin nửa ngờ, điều đó cho thấy tâm họ không thể quyết định. Vì vậy, Phật pháp nói lý rất sâu, phải nghiên cứu thật kỹ, hơn nữa còn phải thực nghiệm trong sự hành trì, mới có thể chứng thực những lời Phật dạy trong kinh luận, câu nào cũng chân thật.

Tiếp theo có một khổ kệ tụng lại về ý nghĩa lìa ba độc, đáp ứng hai mong cầu:

*“Chúng sanh gặp biết bao khổ nạn,
Bao hiểm nguy rình rập quanh mình.”*

Trong hai câu kệ này bao gồm cả ý nói về ba độc với hai sự mong cầu.

*“Đức Quán Âm sức thần diệu trí,
Thường cứu nguy bạt khổ thế gian.”*

Trong phần chú giải nói, “Ba độc bộc phát mạnh mẽ”, Hán văn dùng hai chữ “xí thịnh” là hình dung từ, mô tả giống như lửa bùng cháy rất mạnh mẽ, “bao hiểm nguy rình rập quanh thân”, ba độc là nhân của khổ, có nhân khổ ắt có quả khổ. Quả khổ bức bách thân tâm chúng ta. Hai câu tiếp nói về nhị cầu, “con trai con gái đều không có, khốn khổ vì cô quạnh lẻ loi”, đến tuổi già không có con cái nên cảm thấy cô quạnh lẻ loi. “Sức trí tuệ nhiệm mầu” của Bồ Tát Quán Thế Âm “ắt có thể cứu được”.

Trong phần kinh văn sau nữa chúng ta sẽ thảo luận việc làm thế nào để cảm ứng giao hòa trong đạo với Bồ Tát Quán Thế Âm. Đây là nguyên tắc tu học hết sức quan trọng.

Mời quý vị xem tiếp hai khổ kệ dưới đây, là nội dung “giải đáp ý nghĩa thị hiện khắp mọi nơi”.

*“Đầy đủ sức thần thông biến hóa,
Lại rộng tu phương tiện trí minh.
Gần xa khắp mười phương cõi nước,
Chẳng nơi nào lại chẳng hiện thân.”*

*Các đường dữ sức sanh, nọ quở,
Hoặc là nơi địa ngục khốn cùng.
Chịu những khổ sanh, già, bệnh, chết,
Quán Âm liền cứu vớt dân cho.”*

Trong phần chú giải nói “nguyên do có thể ứng hiện”, đó là chúng sanh có sự chiêu cảm, Bồ Tát liền có sự ứng hiện. Nguyên do có thể ứng hiện là “do sức thần cùng trí tuệ phương tiện”. Phần này cũng giải thích cho chúng ta hiểu: “Nếu không phải có được công dụng của toàn thể ngàn như thị thì không thể đầy đủ sức thần thông như vậy.” Nói ngàn như thị, như Đại sư Trí Giả giảng kinh Pháp Hoa có nói với chúng ta về “trăm pháp giới, ngàn như thị”, do đó toàn thể đại dụng mới có thể hiện tiền. “Như” cũng chính là chân như, không có một pháp nào không như, không có một pháp nào không phải. Cảnh giới này phải khi thấy được tự tánh, tâm ý sáng rõ mới có thể hiện tiền. Cảnh giới mà Bồ Tát thị hiện trong kinh Lăng nghiêm, ban sơ chứng được, chính là Sơ trụ Bồ Tát Viên giáo có

thể chứng đắc, còn trong pháp môn niệm Phật chính là Lý nhất tâm bất loạn. Chúng ta đạt đến cảnh giới này, tác dụng rất lớn, đầy đủ thần thông, đầy đủ trí tuệ.

“Thần thông tuy sẵn có đầy đủ trong tự tánh”, câu này ý nói tất cả chúng sanh mỗi người đều có chân như bản tánh; nói cách khác, mỗi người đều sẵn có mười thứ thần thông không thể nghĩ bàn của quả vị Như Lai. Trong bản tánh tuy vốn đầy đủ, nhưng hiện nay bản tánh bị mê mờ, tuy công năng sẵn có nhưng công năng ấy không thể khởi thành tác dụng, không thể hiện tiền.

“Lại do rộng tu trí tuệ phương tiện nhiệm mầu, soi chiếu tự tánh phát khởi thần thông, cho nên đạt được sức thị hiện tự tại khắp cùng mọi nơi.” Bồ Tát tu hành thành tựu như vậy, nếu chúng ta tự mình muốn có thành tựu, nhất định phải chân thật tu học.

“Rộng tu trí tuệ phương tiện nhiệm mầu”, câu này chúng ta nhất định phải thấu hiểu rõ ràng, không được hiểu sai lầm. Khi nào mới có thể “rộng tu trí tuệ phương tiện nhiệm mầu”? Đó là sau khi đạt được căn bản trí, mới có thể học rộng nghe nhiều. Như Đồng tử Thiện Tài trải qua năm mươi ba lần tham vấn, nếu ngài không thành tựu căn bản trí trong Pháp hội của Văn Thù, thì ngài không có tư cách “rộng tu trí tuệ phương tiện nhiệm mầu”.

Bồ Tát Quán Thế Âm thị hiện trong Pháp hội Lăng Nghiêm, nhập tam-ma-địa. Nhập tam-ma-địa chính là chứng đắc Lý nhất tâm bất loạn, tức là chứng đắc quả vị Sơ trụ Viên giáo. Từ đó về sau, mới có thể “rộng tu trí tuệ phương tiện nhiệm mầu”, giống như Thiện Tài năm mươi ba lần tham vấn, học rộng nghe nhiều. Trình tự tu học này nhất định không thể đảo ngược. Một khi đảo ngược thì thiệt hại cho chúng ta rất lớn, tu tập sẽ không thành tựu. Vì vậy, sự tu học trong nhà Phật là trước chuyên sâu, sau mở rộng, chứ không phải trước mở rộng sau chuyên sâu. Phải là trước chuyên sâu, sau mở rộng.

Hiện tại chúng ta tu học, trước tiên thường phải mở rộng, xem qua hết thấy, học qua hết thấy; học rộng xong rồi mới chuyên sâu vào một môn, những thứ khác đều buông bỏ. Điều này nói ra cũng giống như khi chúng ta đi mua sắm, chọn lựa đủ thứ, tốn nhiều thời gian mới lựa chọn được một món đồ ưng ý, rồi quyết định mua nó. Đối với người mới học thì điều này cũng không sao, nhưng cũng cần xem lại căn lành, phước đức nhân duyên của chính mình. Đối với người có căn lành, phước đức nhân duyên sâu dày, trong lúc học rộng, không bao lâu liền có thể quyết định chọn một pháp môn, đó là may mắn, để từ đó bắt đầu tu

học [chuyên sâu]. Nếu học rất nhiều lại rơi vào chỗ tăng trưởng tà kiến, tăng trưởng vô minh, thì đời này chắc chắn sẽ luống qua, không thể thành tựu. Cho nên việc này thật không dễ dàng.

Quý vị nhất định phải biết điều này. Quý vị đi nghe khắp nơi, nghe nhiều, học nhiều, xem nhiều, nhưng nói thật với quý vị, quý vị sẽ không tìm được thầy. Bậc thiện tri thức chân chính sẽ không dạy cho quý vị. Tại sao? Vì quý vị quá xen tạp, quá tán loạn, dù muốn dạy cũng không có cách nào dạy cho quý vị. Điều này cần phải lưu ý.

Khi quý vị thân cận một vị thiện tri thức, vị ấy hỏi quý vị trước đây đã học những gì? Quý vị nói, tôi rất muốn học nhưng chưa bắt đầu học. Vị thiện tri thức đó sẽ xem quý vị như bảo bối, quyết định không bỏ rơi quý vị. Nếu quý vị nói: Tôi đã học rất nhiều, nghe rất nhiều, cũng xem qua rất nhiều. Vị ấy sẽ gạt đầu, tốt lắm, rất khá, rất ít có. Rồi tiễn quý vị đi, không nói gì phật lòng quý vị. Tại sao vậy? Vì không có cách nào để dạy. Nếu vị ấy chỉ cho quý vị một con đường, trong lòng quý vị nhất định chống đối. Vì sao? Vì quý vị đã nhận điều được học trước đó là đúng. Cái gì của quý vị là đúng, của người khác là không đúng, phải không? Quý vị cũng chẳng khác gì bao nhiêu người khác! Do vậy không cách gì học được. Muôn ngàn lần chúng ta phải luôn ghi nhớ điều này.

Từ xưa đến nay, trước đây tôi đã nhấn mạnh với mọi người, sự truyền thừa từ bậc thầy là hết sức quan trọng. Vì vậy, ngay từ đầu phải theo học chỉ một vị thầy, học theo lời dạy của một người. Quý vị gặp được bậc thiện tri thức, vị ấy nhận lời dạy cho quý vị, quý vị mới thật sự đạt được sự lợi ích. Nếu ngay từ đầu đã học rộng, về sau có thể quay về một môn, liệu có mấy người chịu quay đầu? Liệu có mấy người được giác ngộ? Giác ngộ, quay đầu được là tốt, như vậy thì không còn gì để nói. Điều đáng sợ là suốt đời không thể giác ngộ, không thể quay đầu, đó mới là đáng sợ.

Đây là nói về rộng tu trí tuệ phương tiện nhiệm mầu, cần phải tự mình đạt được tâm thanh tịnh trước, tức là đạt được tâm chuyên nhất tâm không tán loạn, mà là đạt được Lý nhất tâm bất loạn, không phải Sự nhất tâm bất loạn. Sự nhất tâm bất loạn vẫn chưa đủ tư cách, phải đạt được Lý nhất tâm bất loạn, trong giáo môn gọi là “đại khai viên giải”, trong Thiên tông gọi là “đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh”. Lúc này mới có thể học rộng nghe nhiều, mới có thể ra ngoài tham học. Trong lúc tham học, chính là “soi chiếu tự tánh, phát khởi thần thông”. Đây là công đức của sự tham học. Chúng ta thấy trong kinh Hoa Nghiêm (bản 40

quyển), sự biểu diễn của Đồng tử Thiện Tài chính là ý này. Đồng tử Thiện Tài năm mươi ba lần tham vấn, đạt được điều gì? Đạt được sự “soi chiếu tự tánh, phát khởi thần thông”. Do đó, mới có thể thị hiện khắp mọi nơi, Bồ Tát Quán Thế Âm mới có oai đức thần lực lớn như vậy, gia trì tất cả chúng sanh khổ nạn.

Mấy câu dưới đây, chúng ta đọc qua: “Thông thường nói về các đường ác”, nghĩa là nói sự thông thường, khi nói đến các đường ác, “chỉ giới hạn trong ba đường”, là chỉ nói có ba đường ác. “Nay kinh văn dùng ‘chủng chủng’ là chỉ chung cả chín pháp giới”, trong bài kệ của kinh, Hán văn nói “chủng chủng chư ác thú, địa ngục quỷ súc sanh”, tiếp theo lại nói “sanh lão bệnh tử khổ”, thêm một câu như vậy. Thêm câu này thì “chủng chủng chư ác thú” không chỉ riêng ba đường ác, mà chỉ chung đến chín pháp giới. Chín pháp giới thì bao gồm cả Bồ Tát. Vì sao Bồ Tát cũng gọi là đường ác? Vì Bồ Tát so với Phật vẫn còn là đường ác. Tại sao? Vì chưa dứt được sanh tử biến dịch, chưa đoạn trừ sanh tướng vô minh, nên so với Phật vẫn là đường ác. Chỗ này nói “chỉ chung chín pháp giới, so với Phật giới đều gọi là đường ác, nhưng chỉ nêu riêng ba đường [địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh] vì đó là cực ác”. Ba đường ác là những cảnh giới khổ nhất, đáng sợ nhất trong chín pháp giới. “Tuy ba đường ác chìm trong tăm tối, chưa thể được hóa độ, đều khiến cho khổ não của họ dần dần trừ diệt”. Hóa độ ba đường ác không dễ, rất khó khăn. Nếu hóa độ ba đường ác dễ dàng, quý vị thử nghĩ xem, trước đây chúng ta đã đọc, tại sao tám bộ trời rồng đều mong rời khỏi cảnh giới của họ, mong cầu sanh đến cõi người? Điều này không phải rất rõ ràng đó sao? Ba đường ác mê muội quá sâu, rất khó giác ngộ. Chúng ta xem các bậc cổ đức xưa nay, hoặc những ghi chép trong kinh Phật, chư Phật Bồ Tát độ người trong ba đường ác, tốt nhất cũng chỉ có thể giúp họ sinh lên cõi trời Đao-lợi, là tầng trời thứ hai của cõi Dục. Lên cao hơn nữa thì không được, chư Phật Bồ Tát cũng không có năng lực đó. Đây là điều chúng ta cần biết.

Hiện nay chúng ta làm nhiều Phật sự, ví dụ như tối mai hoàn mãn, chúng ta sẽ có lễ cúng thí thực Đại Mông sơn. Đối tượng của Đại Mông sơn thí thực là chúng sanh cõi quỷ. Trong nghi quỹ tuy chúng ta dùng hết tâm lực của mình để giúp cầu cho họ vãng sanh Tịnh độ, nhưng thực tế có đạt được không? Quá khó, quá khó! Các vị xem qua Lương hoàng sám có việc Hòa thượng Bảo Chí Công siêu độ phi tần của Lương Vũ Đế. Hòa thượng Bảo Chí Công là hóa thân của Bồ Tát Quán Thế Âm, dùng sức oai thần của Bồ Tát, cũng chỉ có thể đưa bà từ đường ác siêu độ lên cõi trời Đao-lợi. Quý vị nên biết, nương vào người khác siêu độ là phước của người khác giúp mình, phước báo có thể cho mình, có thể giúp mình,

nên phước báo lên đến cõi trời Đao-lợi là nhất rồi. Lên cao hơn nữa là cõi trời Dạ-ma, dù có phước cũng phải dựa vào một phần định lực của chính mình; trí tuệ, thiền định của người khác không thể giúp cho quý vị. Phước báo của chư Phật Bồ Tát có thể ban cho chúng ta, chúng ta có thể hưởng thụ; trí tuệ, thiền định của các ngài không thể ban cho chúng ta. Ví dụ, chư Phật hiện làm quốc vương, quý vị cầu xin, tốt lắm, tài bảo của ta có thể cho các người, ngôi vua của ta cũng có thể cho các người. Đó là phước báo, nếu ngài ban cho các vị có thể có được. Nhưng thông minh trí tuệ của ngài thì không có cách nào, ngài không thể ban cho chúng ta. Ngài ban cho chúng ta cũng không nhận được.

Vì vậy, siêu độ là tu phước gia trì. Tu phước, là ai tu phước? Chính chúng ta tu phước. Nếu chính chúng ta không tu phước, họ sẽ được gì? Họ không được gì cả. Việc này các vị đọc kỹ kinh Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện sẽ hiểu. Cô gái con nhà Bà-la-môn, cô Quang Mục, những người mẹ của họ đều đọa vào địa ngục, nhờ chính họ tu tập chánh pháp, họ đều dùng pháp môn niệm Phật này, niệm đức Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai. Chính họ niệm đến nhất tâm bất loạn, phước báo này lớn, mẹ họ được nhờ, liền có thể siêu sanh. Tại sao họ có thể đắc nhất tâm bất loạn? Vì họ muốn cứu mẹ, nên chính họ tu thành tựu. Có thể nói, việc hai bà mẹ đọa vào đường ác đã giúp họ tu thành tựu, đây là phước báo của hai bà mẹ. Nếu hai bà mẹ ấy không đọa vào đường ác, thế là xong, họ cũng không học Phật, cũng không nhất tâm niệm đức Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai, họ vẫn là phàm phu sanh tử. Vì vậy, sự thành tựu của họ là do hai bà mẹ giúp đỡ, là tăng thượng duyên giúp họ thành tựu. Nếu họ quả thật được thành tựu thì phước báo đó mẹ họ được hưởng, được siêu độ.

Vì vậy, chúng ta tu Đại Môn Sơn, trong Môn Sơn chúng ta phải giác ngộ, tự mình phải khai ngộ, thật sự chuyển đổi ba nghiệp thân khẩu ý của chúng ta. Tự mình nâng cao được cảnh giới thì những quỷ thần này được phước báo, thật sự có thể rời khỏi ba đường ác, điều này không sai đối chút nào. Kinh Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện có thể chứng minh. Vì vậy, không phải miệng đọc theo sách Môn Sơn là siêu độ. Nếu khi đọc, tự tâm không thể chuyển đổi cảnh giới của chính mình, bước ra ngoài quỷ sẽ đánh các vị; các vị lừa tôi, gọi tôi đến, gọi đến để lừa gạt tôi, chính các vị không tu. Vì vậy, các vị niệm quy y thì chính mình phải thật quy y; niệm kệ sám hối, chính mình phải thật sám hối, quỷ thần liền được phước. Một mặt chính mình tu, chính mình niệm, đồng thời khuyên họ, hy vọng họ cũng có thể tu, cũng có thể chuyển đổi tâm ý. Nếu họ có thể chuyển thì

càng tốt, sức siêu độ càng lớn càng nhanh; khi họ không thể chuyển, cũng gieo cho họ căn lành, trong thức a-lại-da cũng gieo vào chủng tử, ý nghĩa là như vậy.

Vì vậy, làm Phật sự phải nhất tâm xung niệm, mới có hiệu quả; tâm tán loạn, tâm xen tạp mà niệm thì không có hiệu quả. Do đó, đại chúng một khi quy tụ, phải thuần thực nghi quỹ, nếu không thuần thực sẽ sinh phiền não. Ví như người gõ pháp khí sai, mọi người vốn muốn nhất tâm thanh tịnh niệm, nghe pháp khí đó sai liền khó chịu, “sao lại sai nữa?” Tâm liền tán loạn. Tâm tán loạn thì không linh nghiệm. Chí thành thì linh, một khi tâm tán loạn thì không linh nghiệm. Ý nghĩa siêu độ là ở chỗ này.

Nói về khổ não trong ba đường ác, không dễ được hóa độ. Tuy không dễ, nhưng tâm từ bi của chư Phật Bồ Tát không vì khó hóa độ mà bỏ rơi, không phải vậy. Chư Phật Bồ Tát vẫn thường xuyên nhắc nhở, thường xuyên nhớ nghĩ đến, hy vọng họ mau quay đầu. Khi nào họ giác ngộ, quay đầu, họ liền thoát khỏi đường ác. Vì vậy, thường xuyên không ngừng nhắc nhở chính là đại từ đại bi. Chúng ta mỗi tuần cúng thí thực Mông Sơn, niệm Phật hồi hướng, đặc biệt đối với những quỷ thần này, chúng ta phải hiểu ý nghĩa này. Chúng ta muốn cứu độ họ, trước tiên phải thành tựu chính mình. Tự mình thành tựu, họ đều sẽ được cứu độ.

Mời quý vị xem hai khổ kệ tiếp theo:

*“Dùng Chân quán cùng Thanh tịnh quán,
Lại thêm Quảng đại trí tuệ quán,
Vận dụng vào Bi quán, Từ quán,¹
Nên thường nguyện, lại thường chiêm ngưỡng.*

*Hào quang thanh tịnh không cầu nhiễm,
Như mặt trời phá sạch tối tăm.*

¹ Khô kệ này đề cập đến 5 pháp quán mà Bồ Tát Quán Thế Âm đã thành tựu, tương đương với 3 pháp quán không, quán giả và quán trung, được giải thích theo giáo lý tông Thiên thai bao gồm: 1. Chân quán (真觀): tức là pháp quán không, quán xét lý chân để đoạn trừ kiến hoặc và tư hoặc. 2. Thanh tịnh quán (清淨觀): tức là pháp quán giả. Sau khi dứt trừ kiến hoặc và tư hoặc, thân được thanh tịnh, tiếp tục quán giả để đoạn trừ trần sa hoặc. 3. Quảng đại trí tuệ quán (廣大智慧觀): tức pháp quán trung, do đã dứt trừ vô minh hoặc mà đạt được trí tuệ rộng lớn. 4. Bi quán (悲觀): vận dụng 3 pháp quán trên để quán xét chúng sinh, cứu giúp thoát khỏi khổ não. 5. Từ quán (慈觀): vận dụng 3 pháp quán trên quán xét chúng sinh, để ban cho sự an vui.

*Thường trừ được nạn tai gió lửa,
Chiếu soi cùng chốn chốn thế gian.*

“Hai khổ kệ này là “ý nghiệp phổ quán”. Đề mục khoa văn đã chỉ rõ ý nghĩa kinh văn cho chúng ta. Hai khổ kệ này rất quan trọng, chính là cương lĩnh quan trọng trong tu học của chúng ta. Các vị xem trong chú giải. “Chân nghĩa là đã dứt vọng”, nói “chân quán” thì quán chính là quán chiếu. Chúng ta lúc mới bắt đầu học, nếu quý vị thật sự chịu đựng công, tức là thật sự phát tâm tu hành, thì hai khổ kệ này chính là cương lĩnh tu học hiện tiền của chúng ta. Chúng ta phải dùng chân tâm, quán sát, chính là quán sát thế gian, đối nhân xử thế, dùng chân tâm quán sát thế gian, đối đãi tiếp xúc, tâm chúng ta không hư vọng. Trong chân tâm không có vọng tưởng, không có vọng niệm, nên chân là đã dứt vọng. Đây chính là như ta nói chân thành, cũng chính là tâm chính trực, tâm chí thành trong tâm Bồ-đề tâm.

“Thanh tịnh quán”, là tâm thanh tịnh, chính là tâm sâu vững trong tâm Bồ-đề. Tâm sâu vững không nhiễm ô, tuy ở trong năm món dục của sáu trần cảnh, nhất định vẫn không nhiễm ô bởi năm món dục của sáu trần cảnh, tâm vẫn thanh tịnh.

Tiếp theo là “Quảng đại trí tuệ quán, Bi quán và Từ quán”. Đây chính là tâm đại bi trong tâm Bồ-đề. Vì vậy, khổ kệ này chính là tán thán tâm Bồ-đề. Những điều chúng ta ở đây cần học, tôi quy kết lại thành tám chữ: “chân thành, thanh tịnh, trí tuệ, từ bi”, chúng ta nên nỗ lực hướng theo mục tiêu này để học tập.

Trí tuệ, tâm bi, lòng từ, đều là những tác dụng của tâm chân thành thanh tịnh. Trí tuệ thì thế nào? Có thể phá trừ mê hoặc. Tự mình đương nhiên không còn mê hoặc, vì tự mình đã chân thành, thanh tịnh. Tự đối với mình mà nói là vô tri, “Bát-nhã vô tri”, nếu quý vị còn có cái biết, trí tuệ, thì tốt thôi, trí tuệ đó chính là vô minh. Đức Phật trong kinh Lăng Nghiêm nói: “Từ nơi thấy biết mà dựng lập thành chỗ biết, đó là cội gốc của vô minh”, đó chính là vô minh. Trí tuệ ở đây là gì? Trí tuệ là dùng cho người khác, giúp người khác phá trừ mê hoặc, trí tuệ ở đây chỉ điều đó. Như Phật nói những kinh luận này, những phương pháp tu hành này, là phá trừ mê hoặc của chúng ta. Tác dụng của trí tuệ này là khởi tác dụng cho người khác, không phải đối với tự thân mình. Đối với tự thân mình, thanh tịnh là được, chân thật thanh tịnh là được, cần gì trí tuệ! Nhưng muốn cứu độ tất cả chúng sanh, chúng sanh có hoặc, nghiệp, khổ, muốn phá trừ mê hoặc của chúng sanh, cần phải có trí tuệ. Trí tuệ để phá mê hoặc, tâm bi để bạt trừ khổ não, lòng từ để ban tặng

niềm vui. Có thể thấy trí tuệ, tâm bi, lòng từ đều là tha thọ dụng, làm lợi ích chúng sanh, chỗ tự thọ dụng của chính mình là chân thành, thanh tịnh.

“Dùng năm pháp quán này, gia hộ cho chúng sanh mê lầm.” Ở đây chỉ chung chúng sanh trong chín pháp giới, “vọng tưởng, nhiễm ô, phiền não, khổ đau, ứng theo sự xung niệm liền diệt mất; cho nên hết thấy chúng sanh thường phát nguyện kính ngưỡng nương theo”. Đây chính là ý nghĩa như người Trung quốc thường nói “nhà nhà xưng Quán Âm, hộ hộ niệm Di Đà”. Không ai là không xưng niệm Bồ Tát Quán Thế Âm. “Sự ứng thân thị hiện của Đại sĩ quả thật phụ thuộc nơi điều này”, chính là những gì nói trong bài kệ này, Bồ Tát và tất cả chúng sanh có thể cảm ứng giao hòa trong đạo.

Khô kệ tiếp theo, từ “Hào quang thanh tịnh không cấu nhiễm” trở đi là “xưng tán năm pháp quán nói trên”, tán thán năm pháp quán trên. “Mặt trời trí tuệ không cấu nhiễm, là xưng tán thể của quán trí; lại nói ‘chiếu soi cùng chốn chốn’ là xưng tán dụng của quán trí”. Ý nghĩa ở đây rất rõ ràng, không cần giảng nói nhiều.

Mời quý vị xem khô kệ tiếp theo:

*“Thể lòng bi² rên như sấm động,
Diệu ý từ, mây lớn chở che.
Đổ mưa pháp cam lồ khắp cõi,
Dập tắt liền phiền não lửa kia.”*

Khô kệ này xưng tán “khẩu nghiệp thuyết pháp”. Trong chú giải nói, “việc thuyết pháp tuy ở nơi miệng, tất yếu phải dựa vào thân, ý làm căn bản truyền trao pháp”, nếu không có thân, không có ý, dù có miệng cũng không thể thuyết giảng. Vì vậy, ba nghiệp thân khẩu ý vốn một mà ba, ba mà một, không thể tách rời.

Câu thứ nhất là nói “vì pháp hóa hiện hình tướng, vốn để cứu khổ [chúng sanh], cho nên thân thuyết pháp đó gọi là ‘thể lòng bi’”. Chúng ta gọi thân Bồ Tát là “thể đại bi”, vì ngài dùng thân này để cứu giúp tất cả khổ nạn của chúng sanh. “Thân này trước hết dùng giới đức để nhắc nhở người đời, ví như khi trời rền vang sấm động thì muôn vật không đâu không kính sợ, cho nên gọi là đồng như thể của lòng bi.”

² Nguyên tác là “悲體戒 - bi thể giới”, chỉ thể tánh đại bi không ngăn ngại phân biệt, được phát sinh từ việc nghiêm trì giới hạnh thanh tịnh.

Từ câu này chúng ta càng hiểu sâu thêm, sự tu học Phật pháp phải được xây dựng trên nền tảng giới đức. Nếu chúng ta xem nhẹ việc trì giới, quý vị chỉ có thể trong khoảnh khắc nhất tâm xưng niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm. Bồ Tát Quán Thế Âm đến cứu tai nạn, còn tự thân quý vị không thể thành tựu. Cứu thoát bảy nạn thì được, lìa bỏ ba độc thì không được. Muốn lìa ba độc thì tự thân mình phải có giới, có định, như vậy thì thần lực Bồ Tát mới có thể gia trì giúp quý vị lìa ba độc, được nhất tâm bất loạn. Có thể thấy sự quan trọng của giới là như vậy.

Các đồng tu đều hỏi tôi, phải tu tập giới như thế nào? Cảm quyền Giới kinh lên, xem mà không hiểu. Không cần nói đến việc xem Giới kinh trong Luật tạng không hiểu, ngay cả năm giới quý vị cũng không hiểu. Không giết hại, vậy thế nào là không giết hại? Quý vị không rõ! Không rõ thì không thể thọ trì. Thế nào gọi là không giết hại, thế nào gọi là không trộm cắp? Nếu đơn giản như vậy thì cần gì đến Luật tạng kinh điển đồ sộ để giải thích? Không cần đến. Nhưng bởi vì trong đó có lý luận, có cảnh giới, rộng lớn vô biên, nên không dễ dàng như vậy. Thế nhưng hiện nay giảng kinh thì còn có người, giảng giới luật thì không có ai cả. Không có ai giảng giới luật. Dù trong giới đàn thọ giới nói là có giảng giới, nhưng cũng chỉ nói qua loa đại khái cho xong việc, không thật sự giảng giải chi tiết rõ ràng.

Quý vị có biết tại sao không? Tôi không nói hảm quý vị cũng biết. Tự mình không làm được, nên khi giảng giải thật khó nói. Vì vậy, thời mạt pháp không thể thành tựu là do không có nền tảng giới học, sự tu chứng về sau đều rơi vào chỗ rỗng không, đều biến thành phước báo, đều là tu phước báo hữu lậu trong ba cõi.

Các vị đừng tưởng có phước thì đời sau sẽ sinh vào hai cõi trời, người. Không chắc vậy đâu. Trong cảnh giới súc sanh, ngạ quỷ, cũng có nhiều chúng sanh phước báo rất lớn. Các vị xem những cung Vương gia, cung Mã Tổ (Thiên Hậu Thánh Mẫu) ở tỉnh ta, đó đều là quý vương, họ rất có phước. Mã Tổ Bắc Cảng, phước báo của bà ấy có lẽ lớn nhất Đài Loan. Phước báo của Phật Bồ Tát trong bất kỳ ngôi chùa nào cũng không bằng bà, đó là quý vương. Vì vậy, tu phước đừng để thọ hưởng trong cảnh giới ngạ quỷ, súc sanh, vì như vậy vẫn khổ.

Về việc hưởng phước trong cảnh giới súc sanh, trong đạo Phật có câu chuyện “tu phước không tu trí tuệ, làm voi lớn đeo chuỗi anh lạc”. Những người ấy sinh vào loài súc sanh, làm con voi của đức vua cười. Khi đức vua đi ra ngoài, trên thân voi mang đầy những chuỗi anh lạc bằng bảy món báu. Đó là thân súc sanh nhưng có phước báo. Hiện nay, trong súc sanh có phước báo còn hưởng thụ hơn

con người, như chó nhà giàu, một con chó giá trị mấy chục vạn, mạng chó rất đắt. Ở nước ngoài còn có khách sạn chó, nhà hàng chó, còn sung sướng hơn con người. Đó là gì? Là đời trước có tu tích phước báo. Tuy tạo tội nghiệp đọa vào cảnh giới súc sanh nhưng có phước báo, phước vẫn được hưởng. Quả thật, dù một miếng ăn, một ngụm nước, thấy đều do nhân tiền định. Nhân quả thiện ác không sai chút nào.

Vì vậy, quý vị cần hiểu rõ ý nghĩa này. Hiện nay chúng ta tu tập giới luật phải làm sao? Thật quan trọng như vậy nhưng lại không có người giảng. Đại sư Ấn Quang thật sự rất từ bi, ngài là Bồ Tát Đại Thế Chí tái lai. Trong suốt cuộc đời, ngài đề xướng ba quyển sách, bảo chúng ta y theo đó mà tu học. Ba quyển sách này thay thế giới luật. Thứ nhất là sách Liễu Phàm tứ huấn, thứ hai là sách Cảm ứng thiên vưng biên, thứ ba là sách An Sĩ toàn thư. Những sách này chúng ta có thể đọc hiểu, chúng ta có thể y theo phương pháp trong đó để tu học. Nếu các vị chân thật tu hành thì tu theo công quá cách.³ Cư sĩ Viên Liễu Phàm dùng công quá cách, y theo phương pháp này tu hành, cải biến vận mạng của chính mình.

Người xuất gia như Đại sư Liên Trì cũng tu công quá cách, nhưng ngài không gọi là công quá cách, mà gọi là “tự tri lục”, nghĩa là bản ghi chép để tự biết mình. Nếu thực sự y theo “tự tri lục” của Đại sư Liên Trì mà tu hành, có thể tu trong ba năm, mỗi ngày đều phải làm theo, mỗi ngày đều phải tu tập, có thể tu trong ba năm thì nền tảng giới đức của quý vị được thiết lập, đạo Phật mới có hy vọng! Bằng không thì thành Phật chỉ là ước nguyện mà thôi, chỉ sợ rất khó đạt được.

Câu thứ hai là “Diệu ý từ, mây lớn chở che”. Bồ Tát lấy lòng từ làm tâm ý”, đây gọi là “lấy từ bi làm căn bản, dùng phương tiện làm cửa vào”. Nhưng từ bi và phương tiện đều được xây dựng trên nền tảng trí tuệ, không phải là từ bi kiêu cảm xúc. Cảm xúc từ bi không phải là từ bi chân thật, phải là từ bi có lý trí, phương tiện có lý trí. Nếu rơi vào căn cứ cảm xúc, đó là như trong nhà Phật thường nói “từ bi chuốc nhiều tai họa, phương tiện tạo ra kẻ thấp hèn”. Quý vị xem đó, tuy là từ bi và phương tiện nhưng dựa trên nền tảng khác nhau, một bên là dùng tâm trí tuệ, một bên là dựa theo cảm xúc, kết quả hoàn toàn thay đổi. Đây là điều chúng ta nhất định phải rõ biết. Vì vậy, nhất định phải tu giới, tu định, tu tuệ, sau đó thì từ bi, phương tiện mới thật sự có thể lợi ích chúng sanh.

³ Công quá cách: pháp tu tập bằng cách mỗi ngày ghi chép rõ ràng những điều tốt xấu, tội phúc để thường xuyên ghi nhớ, tự tu sửa bản thân.

Câu thứ ba tiếp theo “Đổ mưa pháp cam lồ khắp cõi”, đây là thí dụ sự thuyết pháp. “Cam lồ” ở đây chú giải là “thần dược trường sinh bất tử”, dùng để ví như pháp của Phật thuyết, “chân lý được Phật giảng giải, hiểu được ắt chứng vô sanh, nếu không đạt được vô sanh thì làm sao có thể bất tử”. Phật pháp là pháp vô sanh, Phật pháp là pháp giải thoát chân thật.

Câu cuối cùng nói rõ công đức lợi ích. “Dập tắt liền phiền não lửa kia”, phiền não chính là khởi sinh não hoặc. Phiền não nếu diệt, tất nhiên không còn tạo nghiệp. Đã không tạo nghiệp, tất nhiên không có quả báo. Đây mới thật sự là vượt thoát luân hồi sanh tử. Đây là công đức lợi ích của sự thuyết pháp.

Chúng ta xem tiếp đoạn dưới đây. Khổ kệ này là tụng thêm ý nghĩa nơi cửa quan và chiến trận, [trong kinh văn trường hàng không có].

“Tranh giành nhau đến trước cửa quan”, đây là nói như trong hiện tại phải đến chỗ tòa án, là nói khổ nạn trong chốn pháp đình.

“Hoặc giữa chốn trận tiền run rẩy”, đây là nói việc tham gia quân đội, lúc có chiến tranh, giữa chiến trường phải đánh nhau với quân địch, cũng là lúc rất đáng khiếp sợ.

*“Nhờ sức niệm Quán Âm cứu độ,
Kẻ oán cừu hết thấy lùi xa.”*

Trong phần chú giải nói “việc tranh tụng chốn pháp đình”, ngày nay gọi là tòa án. Thời xưa, tư pháp đều do các vị quan địa phương kiêm nhiệm, Trung quốc không có tòa án, tất cả các vụ kiện tụng đều do quan huyện, quan địa phương xét xử. Vì vậy, quan huyện, quan địa phương cũng là quan tư pháp. Họ là quan điều hành việc hành chính, cũng là quan tư pháp. Đến thời Dân quốc mới tách ra, huyện trưởng, thị trưởng chuyên việc hành chính, có các quan tòa riêng lo việc xử lý các vụ kiện tụng.

“Tự thân vào nơi chiến trận”, đây là nói việc nhập ngũ, tham gia chiến trường. “Trong lòng lo sợ về hình phạt”, đây là chỉ việc đã nói ở trước, khi đến tòa án, sợ thua kiện bị xử phạt. “Lo lắng mạng sống phải mất vì chinh chiến”, đây là nỗi lo sợ thực sự trên chiến trường. “Nay những oán thù từ xưa, lúc này gặp lại.” Nếu không phải những kẻ oán gia đối đầu, làm sao có việc kiện tụng? Sẽ không có chuyện kiện tụng. Trên chiến trường, nếu đời trước không phải kẻ oán thù, họ sẽ không giết quý vị. Mạng người thật sự có định số, không có cái chết oan uổng nào. Việc sống chết nơi chiến trận cũng đều là có định số.

Lúc tôi mới học Phật, cư sĩ Chu Kính Triều rất thương yêu tôi. Lão cư sĩ hiện vẫn còn sống. Ông cùng tuổi với Lý lão sư, năm nay 96 tuổi. Khi tôi học Phật, ông thường chăm sóc tôi, và ông kể rất nhiều câu chuyện của chính ông, khích lệ lòng tin của tôi, đó đều là chân thật. Ông học theo Phật, cũng là do tự thân gặp những việc này mới khởi lòng tin.

Ông là người học khoa học. Trong thời kỳ đầu cách mạng Trung quốc, những người này sao có thể tin quỷ thần? Sao có thể học Phật? Không thể nào. Nhạc phụ của ông là Chương Thái Viêm, một bậc thầy lớn nổi tiếng của Trung quốc. Ông là con rể của Chương Thái Viêm, kể lại câu chuyện cũ của Chương Thái Viêm.

Chương Thái Viêm lúc còn sống, từng làm phán quan cho Đông Nhạc Đại Đế, đây là việc chính ông thấy biết. Nhưng lúc đó ông thấy mà vẫn không tin, dù sự thật trước mắt, ông vẫn nửa tin nửa ngờ, không quay đầu học Phật. Nhưng đương nhiên việc ấy có ảnh hưởng với ông.

Ông nói ông học Phật là trong thời kháng chiến, ở Trùng Khánh, Tứ Xuyên. Buổi tối cùng mấy người bạn đánh bài chơi, đến khuya mới về. Lúc về đường khá xa, ở Trùng Khánh thời kháng chiến đèn đường đều là bóng đèn nhỏ 20 nến.⁴ Khoảng cách giữa các cột điện chừng một, hai trăm mét, ánh đèn giống như ngọn hải đăng trong hàng hải, không thể soi rõ con đường, chỉ nhìn thấy có đèn ở hướng đó thì đi theo con đường đó. Ông đi về ban đêm, không chú ý, đi nửa đường thì thấy phía trước có một người phụ nữ, cách ông không xa. Ông cũng không để ý, người đó đi trước, ông đi phía sau. Đi khoảng nửa giờ, ông chợt nghĩ, sao lại có một người phụ nữ lúc nửa đêm đi ngoài đường? Vừa nghĩ vậy, ông chợt rung mình nổi da gà, nhìn kỹ người đó chỉ có phần thân trên, không có thân dưới, ông sợ hãi vô cùng. Từ đó ông mới tin Phật, mới học Phật. Vì vậy, sau này ông nói người đó nhất định là hóa thân của Bồ Tát Quán Thế Âm đến hao độ ông. Nếu không tự mình nhìn thấy, người khác có nói thế nào ông cũng không tin. Ông tự mình nhìn thấy. Nhân duyên học Phật của ông là như vậy.

Những chuyện kỳ lạ ông nhìn thấy quá nhiều, kể không hết, kể mất thời gian. Tại sao nói mạng sống trong chiến tranh cũng là định số? Ở đây có một câu chuyện, cũng chính ông Chu Kính Triều đã gặp. Trước kháng chiến, ông học kinh tế tài chính, ông làm giám đốc một ngân hàng ở Tô Châu, là ngân hàng quốc gia, nên giao tế ứng xử cũng nhiều. Trong đó có một người bạn là người âm phủ,

⁴ Tức là 20 candela, đơn vị đo cường độ ánh sáng, tương đương với độ sáng của một ngọn nến. Do đó, 20 candela là bóng đèn có độ sáng tương đương với 20 ngọn nến cùng thắp lên.

thường tụ họp, ban đêm ông ta đến âm ty làm việc. Nhưng chức vụ của ông ta rất nhỏ, làm việc chuyên công văn, không như Chương Thái Viêm. Chương Thái Viêm làm phán quan, giống như tổng thư ký, quyền lực rất lớn. Một hôm, ông bạn này nói rằng Thành hoàng miếu Thượng Hải gửi một quyển công văn đến, chính là sổ sanh tử, gửi đến Tô Châu. Trong âm ty, Tô Châu là Đô Thành Hoàng của Giang Tô, giống như chủ tịch tỉnh, Thượng Hải tính là một huyện, đưa một loạt sổ sanh tử đến Đô Thành Hoàng. Quyển sổ này chính ông ấy chuyển đi. Ông ấy nói có lật xem, xem xong không hiểu gì, tên có bốn chữ, năm chữ, sáu chữ. Hôm sau bạn bè tụ họp, cùng cư sĩ Chu Kính Triều với mấy người bàn luận việc này. Ông ấy nói, họ tên người Trung Quốc nhiều nhất bốn chữ, mà bốn chữ không thể nhiều như vậy, gửi một đồng toàn bốn chữ, năm chữ, sáu chữ. Mấy người họ nghĩ mãi không thông, nói anh xem nhầm chăng? Ông ấy nói: “Không nhầm, tôi hôm qua xem kỹ, một chút cũng không nhầm.” Ba tháng sau, chính là sự biến 28 tháng 1 (năm 1932), người Nhật gây bạo động ở Thượng Hải, nhiều người chết. Những tên trong sổ sanh tử đó là của người Nhật.

Vì vậy, sau này lão cư sĩ có nói, trong chiến tranh những người nào phải chết đều có danh sách gửi đến Diêm vương trước, không có oan uổng. Người nào không phải chết, không có tên trong danh sách, những người phải chết thì đã gửi tên đi trước. Trong chiến tranh, chỗ này nói “Nay những oán thù từ xưa, lúc này gặp lại”. Nếu không có oán thù thì trên chiến trường, dù đạn bắn trúng người cũng không chết. Tại sao? Vì không có oán thù. Thật sự, thiện ác nhân quả chúng ta nên thận trọng. Lão cư sĩ hiện tuổi cao, các bạn trẻ tìm ông, ông sẽ kể chuyện cho các bạn nghe, những việc đó đều chân thật, không hư dối, đều là chính ông tự thân trải qua.

Mời quý vị xem tiếp khổ kệ dưới đây:

*“Này Diệu âm, này Quán thế âm,
Cùng Phạm âm và Hải triều âm.
Lại thêm Thắng bỉ thế gian âm,⁵*

⁵ Khổ kệ này nói về ngũ âm (5 loại âm thanh) mà Bồ Tát Quán Thế Âm đã thành tựu. 1. Diệu âm (妙音): là âm thanh nhiệm màu, vi diệu. 2. Quán thế âm (觀世音): là âm thanh quán xét thế gian, dùng trí tuệ vi diệu để quán xét chúng sanh, tâm thanh cứu khổ. 3. Phạm âm (梵音): là âm thanh thanh tịnh. 4. Hải triều âm (海潮音): là âm thanh thích hợp với thời điểm, ví như ngọn thủy triều lên xuống tùy thời điểm không bao giờ sai lệch; Bồ Tát cũng thuyết pháp đúng

*Người thế gian hãy thường nhớ niệm.
Khi niệm tưởng chớ sanh nghi ngại.”*

Năm câu kệ này là “tụng khuyến khích thọ trì danh hiệu”. Bồ Tát có thần lực, từ bi, phương tiện lợi ích chúng sanh, đầy đủ không thể nghĩ bàn. Trong thế giới đại thiên có một người đáng tin cậy như vậy, chúng ta không kết giao với ngài, gặp nguy nan không cầu ngài giúp đỡ, vậy quý vị tìm ai? Tìm người khác đều không đáng tin, tìm Bồ Tát Quán Thế Âm rất đáng tin. Nhưng quý vị phải biết cách giao tiếp với ngài. Vì vậy, xưng niệm danh hiệu này phải hiểu lý luận, có cơ sở lý luận, không phải mê tín, không phải mù quáng xưng niệm. Phải biết phương pháp niệm, phải nhất tâm xưng danh mới có thể cảm ứng giao hòa trong đạo. Nói “diệu âm” tức là sự thuyết pháp không ngưng trệ. Ngưng trệ là có chướng ngại, Bồ Tát đầy đủ bốn biện tài không ngăn ngại nên gọi là “diệu âm”.

“Quán thế âm” là nói tâm bi mẫn của ngài, “tìm theo âm thanh xưng niệm mà cứu khổ”, chúng sanh có sự chiêu cảm, ngài liền ứng hiện. “Phạm âm” là tánh âm thanh thanh tịnh. Chữ “phạm” là nêu ý thanh tịnh, không ô nhiễm, không bám chấp, trong đó không có phân biệt bám chấp, vướng mắc. “Hải triều âm” là thí dụ, như nước thủy triều lên xuống có thời gian nhất định, lúc nào thủy triều lên, lúc nào thủy triều xuống, đều có thời gian nhất định. Đây là thí dụ Bồ Tát có độ tin cậy, nhất định đáng tin cậy. “Bốn âm đều trọn vẹn đầy đủ, nên nói là vượt hơn các âm thanh thế gian”, thắng là hơn, tất cả âm thanh trong thế gian đều không thể so sánh với ngài. Theo thực tế mà nói, người thế gian tức là từ cõi trời Ma-hê-thủ-la trở xuống trong sáu đường luân hồi, tuy cũng có thể tin cậy, nhưng vẫn không bằng Bồ Tát Quán Thế Âm, nhất định là nơi đáng tin cậy!

“Đại sĩ đầy đủ các phẩm đức như vậy, độ thoát chúng sanh, cho nên phải thường thọ trì xưng niệm”. Đây là điều chúng ta nhất định phải ghi nhớ, phải thường xuyên giữ gìn không để mất, câu thánh hiệu này niệm niệm không quên. “Không gián đoạn”, là nhất tâm xưng danh hiệu, không có sự gián đoạn, “không nghi ngờ”, nhất định không có sự nghi ngờ. “Không gián đoạn, không nghi ngờ” chính là bí quyết để có sự cảm ứng. Nếu trì niệm danh hiệu có gián đoạn, có nghi ngờ, thì không có cảm ứng, sẽ mất đi hiệu quả. Không gián đoạn là thế nào? Ít nhất cũng phải là niệm đến công phu thành phẩm, dù chưa đạt được sự nhất tâm. Công phu thành phẩm là tương tự với nhất tâm, cũng có cảm ứng. Không nghi

thời thích hợp để hóa độ chúng sanh, không sai lệch. 5. Thắng bỉ thế gian âm (勝彼世間音): là âm thanh vượt trội hơn tất cả âm thanh của thế gian.

ngờ thì không có chương ngại. Tâm quý vị vốn thanh tịnh, nghi ngờ thì sanh chương ngại. Nếu thật sự có thể thực hiện việc xưng niệm không gián đoạn, không nghi ngờ, thì “không một việc gì không tùy theo tâm ý mà được mãn nguyện”. Thật sự có cầu tất có ứng, bí quyết của sự hiển thị thần lực không thể nghĩ bàn của Bồ Tát là ở chỗ này. Phần trước đã dạy cho chúng ta phương pháp “nhất tâm trì niệm danh hiệu”, bí quyết để thành tựu trong phương pháp này, bí quyết để đạt được sự cảm ứng, chính là “không gián đoạn, không nghi ngờ”. Nếu quý vị đạt được những bí quyết này, quý vị có đủ tư cách để cầu, để thành tựu trọn vẹn phương pháp cầu cảm ứng.

“Nếu như ôm lòng nghi hoặc, sáng niệm chiều quên, đừng lấy làm lạ khi đại sĩ không có sự ứng nghiệm.” Trong lòng có sự nghi ngờ, lại thêm lười nhác, sáng niệm chiều quên chính là xưng trì danh hiệu gián đoạn, đương nhiên không có sự cảm ứng. Không thể nói Bồ Tát Quán Thế Âm không linh nghiệm; không thể nói đức Phật Thích-ca Mâu-ni trong hội Pháp Hoa nói dối, lừa gạt chúng ta. Không thể nói như vậy, nói như vậy tội rất lớn! Đức Phật trong kinh nói rõ những nguyên lý, phương pháp, cảnh giới này, tự quý vị xem lâm, tự quý vị không thể nhận hiểu, còn quay lại trách Phật, Bồ Tát, tội này quá lớn!

Mời quý vị xem tiếp hai khổ kệ dưới đây. Trong hai khổ kệ này có một câu đã xếp về trước, nên một khổ chỉ còn ba câu, ý nghĩa là “tụng khuyến khích cúng dường”.

*“Quán Thế Âm, bậc thánh thanh tịnh.
Giữa những chốn nguy nan, sống chết,
Thường vì người cứu độ chở che.

Đã thành tựu đủ đầy công đức,
Dùng mắt từ xem khắp chúng sanh.
Phước tích tụ vô biên như biển,
Do vậy nên kính lễ chí thành.”*

Đoạn này là đức Thế Tôn khuyến khích chúng ta tu pháp cúng dường. Trong phần chú giải nói: “Quán xét cái nghe quay vào bên trong, lìa xa mọi trần cảnh hư vọng, nên gọi là bậc thánh thanh tịnh.” Thánh là các bậc thánh nhân, Bồ Tát từ Sơ địa trở lên đều gọi là thánh nhân. Bồ Tát Quán Thế Âm thị hiện ở địa vị Đẳng giác, do phương pháp tu hành của ngài viên mãn thành tựu, nên tâm địa rất thanh tịnh, gọi là “bậc thánh thanh tịnh”. “Sự giúp đỡ ngấm ngấm mà không hư dối, trong những chốn nguy nan sống chết, [mở lòng thương xót] như cha như

mẹ, [chúng sanh] có thể nương theo, có thể dựa vào.” Sự giúp đỡ ngấm ngấm, là tâm đại từ đại bi của ngài âm thầm giúp đỡ tất cả chúng sanh, bất kể các vị có cầu hay không cầu, thần lực, phương tiện của ngài đều bình đẳng gia trì. Điều này là chân thật, không hư dối. Khi chúng sanh có khổ não, có mối nguy sống chết, ngài là người duy nhất đáng tin cậy, có thể giúp đỡ, như đứa con nương tựa vào cha mẹ. Trẻ con gặp khổ nạn, nó tin ai nhất? Là cha mẹ. Đứa trẻ cho rằng cha mẹ đáng tin nhất, người khác có thể đáng nghi ngờ.

“Đã thành tựu đủ đầy công đức, ắt sẽ tùy theo những chỗ khẩn cầu của chúng sanh mà đáp ứng hết, không chỉ là mười bốn sự không sợ hãi.” Bồ Tát có đầy đủ công đức trọn vẹn, nên mới có cầu là có ứng. Lại khó được hơn nữa là “dùng mắt từ xem khắp chúng sanh, ắt có thể chọn lựa hết thấy những ai có thể hóa độ để hóa độ, không chỉ là ba mươi hai ứng thân”. Những ai gọi là có thể hóa độ? Chính là có đủ những điều đã nói trước đây: “Nhất tâm xung niệm, không gián đoạn, không nghi ngờ.” Đây chính là những chúng sanh Bồ Tát có thể hóa độ. Đầy đủ những yếu tố này, trong mắt nhìn của Bồ Tát là có cơ duyên chín muồi. Trước tiên hóa độ người có cơ duyên chín muồi, sự cảm ứng này đặc biệt rõ rệt.

“Phước tích tụ vô biên như biển.” Dùng biển làm thí dụ để nói phước báo của Bồ Tát tích tụ như biển cả, vô lượng vô biên, “lợi ích không cùng tận, cho nên cung kính quy y đánh lễ”.

Phần kệ tụng đến đây là đã trả lời xong về đức hạnh của Bồ Tát khi giáo hóa trong thế giới Ta-bà. Phần trước tôi có nói, trong hội còn có người tri âm, chính là Bồ Tát Trì Địa, chúng ta xem đến đây đã thấy. Đây là đoạn lớn thứ hai, nêu ý nghĩa “nghe phẩm kinh này được lợi ích”. Phẩm kinh này chính là nói phẩm Phổ Môn. Đức Thế Tôn và Bồ Tát Vô Tận Ý, Bồ Tát Quán Thế Âm cùng hỏi đáp nội dung như vậy, người nghe liền được lợi ích.

“Bấy giờ, Bồ Tát Trì Địa từ chỗ ngồi đứng dậy thưa với Phật: “Bạch Thế Tôn! Nếu có chúng sanh nào được nghe phẩm Bồ Tát Quán Thế Âm này...”

Quý vị nên nhớ, đây không phải nói danh hiệu Bồ Tát, “nghe phẩm Bồ Tát Quán Thế Âm này” là trực tiếp chỉ cho phẩm Phổ môn này, cũng có thể bao gồm chương Nhĩ căn viên thông của Bồ Tát Quán Thế Âm trong kinh Lăng Nghiêm. Đó cũng là phẩm Bồ Tát Quán Thế Âm. Trong kinh Hoa Nghiêm, chương Bồ Tát Quán Tự Tại, tức chương Hồi Hướng, thứ bảy trong bản dịch 40 quyển, cũng là phẩm Bồ Tát Quán Thế Âm. Vì vậy, một cụm từ này, nói nghĩa hẹp là chỉ cho phẩm này, nói nghĩa rộng thì bao gồm cả hai bộ kinh trước.

“...nói về công hạnh tự tại với sức thần thông thị hiện khắp mọi nơi, nên biết rằng công đức của người ấy thật không nhỏ.”

Công hạnh là nói sự nghiệp phổ độ chúng sanh của Bồ Tát, rất tự tại, không có chướng ngại. Vì vậy, ngày nay chúng ta đọc tụng phẩm Phổ môn, hoặc quý vị được nghe phẩm Phổ môn, mỗi người đều có trách nhiệm lưu thông Phật pháp. Vì đồng bào chúng ta xưng niệm Bồ Tát Quán Thế Âm quá nhiều, cúng dường Bồ Tát Quán Thế Âm cũng quá nhiều, nhưng Bồ Tát Quán Thế Âm là ai, như thế nào họ không biết; Bồ Tát Quán Thế Âm từ đâu đến, họ cũng không biết; Bồ Tát Quán Thế Âm rốt cuộc có đức hạnh gì, họ cũng không biết. Chúng ta phải thường giải thích cho những người đó, khuyên họ đọc kinh. Không chỉ khuyên họ đọc, mà nhất định phải giảng giải ý nghĩa kinh cho họ nghe, khiến họ thật sự nhận thức được về Bồ Tát Quán Thế Âm, biết cách làm thế nào để tu học pháp môn Phổ Môn, mới có thể đạt được công đức lợi ích chân thật. Khi đó, công đức của chúng ta cũng rất lớn, đúng như Bồ Tát Trì Địa nói.

Chúng ta xem qua phần chú giải ở đây. Trong chú giải có mấy câu rất quan trọng.

“Kinh Bảo vân nói, Bồ Tát có mười pháp, gọi là tam-muội Trì Địa”, vị Bồ Tát này chính vì đạt được tam-muội Trì Địa nên gọi là Bồ Tát Trì Địa. “Như mặt đất ở thế gian”, các vị phải biết rằng đức của đất rất lớn. Không có đất, tất cả sinh vật không có chỗ nương tựa, phải có đất. Đất có đức sinh ra sự sống, nên phía dưới nói mười đức. Thứ nhất là “rộng lớn”. Thứ hai là “chỗ nương dựa của chúng sanh”, tất cả chúng sanh đều nương dựa vào mặt đất mới có thể sinh tồn. Thứ ba là “không ưa thích, chán ghét”, tâm bình đẳng không có ưa thích hay chán ghét. Thứ tư là “chịu được mưa lớn”, mặt đất có thể chịu đựng được mưa lớn. Thứ năm là “sinh ra cây cỏ”. Thứ sáu là “chỗ nương dựa của các hạt giống”. Thứ bảy là “sinh ra các loại châu báu”. Thứ tám là “sinh ra các loại thuốc”. Thứ chín là “gió thổi không dao động”. Thứ mười là “sư tử gầm không kinh sợ”. Thời gian không có nhiều, không thể giảng giải từng điều cho quý vị, nhưng trong đó có pháp thuyết, có thí dụ, đều không khó hiểu.

“Bồ Tát cũng như [mặt đất] vậy, vị Bồ Tát này “thuở xưa từng gặp đức Phật Tỳ-xá-phù”. Đây là nói quá khứ, trong lúc ngài còn tu nhân, đã từng gặp một đức Phật, danh hiệu là Phật Tỳ-xá-phù, dạy ngài pháp “bình tâm như mặt đất”. Lúc đó ngài tu khổ hạnh. Tu những gì? Như sửa cầu, tu bỏ đường sá, chỗ nào đường đi không tốt, ngài sửa đường giúp người. Sửa đường là công đức, tạo thuận lợi

cho người đi qua lại. Trên đường gặp Phật, đức Phật dạy ngài: “Tu sửa mặt đất cũng rất tốt, nhưng trước tiên phải tu sửa tâm địa của ông cho bằng phẳng; tâm địa bình thì tất cả mặt đất đều sẽ bình.” Ngài được khai ngộ từ đó. Vì vậy, “dạy nên bình tâm địa thì hết thấy đều sẽ bình, đó là có thể dùng chánh pháp nhiệm mầu để bình ổn tự tâm, hoạn nạn bên ngoài đều sẽ tự bình”, đây là nói công đức của ngài. Chánh pháp nhiệm mầu là chỉ Phật pháp Đại thừa, ở đây dùng nghĩa hẹp thì chỉ pháp môn Phổ môn của Bồ Tát Quán Thế Âm.

Nhất tâm xưng niệm, lễ bái là chánh pháp nhiệm mầu, không gián đoạn, không nghi ngờ, nội tâm chúng ta sẽ được bình. Quý vị thử nghĩ xem, có bình không? Quý vị nhất tâm xưng niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm, không gián đoạn, không nghi ngờ, tâm quý vị đương nhiên được bình. Tâm bình, hoàn cảnh bên ngoài sẽ bình, tất cả tai nạn đều ứng theo sự xưng niệm mà tiêu trừ, sự cảm ứng giao hòa trong đạo quá rõ rệt. “Cho nên nghe phẩm kinh này mà ngợi khen xưng tán.” Ai có thể xưng tán? Người đã được tâm bình có thể xưng tán. Vừa nghe qua liền hiểu rõ, nên mới đứng ra ngợi khen xưng tán.

“Danh hiệu Quán Âm, hoặc gọi là Quán Thế Âm, hoặc gọi là Quán Tự Tại. Công hạnh của ngài hoặc gọi là Phổ Môn, hoặc gọi là Viên Thông.” Chúng ta đều đã đọc qua trong hết thấy kinh điển: “Dựa vào phẩm đức ứng hiện [độ sinh] của hai pháp bi quán và từ quán mà nói, nên có hiệu là Quán Thế Âm; dựa vào công năng soi chiếu tự tâm của hai pháp chân quán và thanh tịnh quán mà nói, nên có hiệu là Quán Tự Tại; do từ một tâm mà lưu xuất, ứng hóa không đâu không cùng khắp, nên gọi là Phổ môn; do từ muôn vật phản hồi, soi chiếu không gì không thấu suốt, nên gọi là Viên thông. Kỳ thật, hết thấy chỉ là một tâm mà thôi.” Chỉ cần đạt được nhất tâm thì tất cả đều đầy đủ, dù là Quán Âm, Tự Tại, Phổ Môn, Viên Thông cũng đều đạt được, đó đều là tác dụng của nhất tâm.

Vì vậy “Hoặc dùng tự tại làm hiệu, hoặc dùng tự tại để nêu công nghiệp. Dùng tự tại làm hiệu là nói tâm được tự tại, như Tâm kinh xưng là Quán Tự Tại, trong kinh Hoa Nghiêm cũng xưng là Quán Tự Tại. “Như trong kinh Lăng nghiêm xưng tán sức nhiệm mầu không tạo tác”, cảnh giới đó rất rộng lớn, quý vị có thể nghiên cứu kinh Lăng Nghiêm. “Công đức thật không nhỏ”, là nêu rõ ý nghĩa công nghiệp tự tại, công hạnh Phổ môn, quả thật đều là pháp môn tâm địa, người được nghe và thọ trì, chỉ cần có thể dùng đó để duy trì, bình ổn tự tâm, ắt bao nhiêu hoạn nạn bên ngoài cũng đều tự trở nên yên bình, không thể gây hại, đối với những chúng sanh đang lo sợ có thể ban cho sự không sợ hãi, cho nên công nghiệp tự tại, công hạnh Phổ môn, rốt cùng mỗi người đều sẵn có”, mỗi người

chúng ta đều có thể đạt được hết thảy. “Cho nên người được nghe [phẩm kinh này] công đức không nhỏ.” Công đức lợi ích thù thắng như vậy, Bồ Tát Trì Địa có thể nhìn thấy nên ở chỗ này nói rõ cho chúng ta biết.

“Khi Phật thuyết phẩm Phổ môn này, trong chúng hội có tám mươi bốn ngàn chúng sinh đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không gì so sánh được.”

Đây là nói nghĩa “nghe phẩm kinh này đạt được lợi ích”, tương đương như phần lưu thông của riêng phẩm kinh này. “A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề” là tiếng Phạn, dịch sang Hán văn là “Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác”, cũng chính là Đại Bồ-đề của quả vị Như Lai. Đại Bồ-đề, Đại Niết-bàn, khi nói Đại Bồ-đề là đương nhiên có Đại Niết-bàn, nên chỉ nêu một tên là đủ. Chúng ta gọi là tâm Bồ-đề, mọi người nghe xong đều phát tâm Bồ-đề. Tâm Bồ-đề cũng chính là nhất tâm. Vì vậy, khi quý vị nhất tâm xưng niệm chính là được đầy đủ tâm Bồ-đề.

Được rồi, chúng ta giảng kinh đến đây là viên mãn.